

Chủ điểm ngữ pháp 6 : Động từ Have và Has

Động từ vị ngữ "have" có nghĩa là "có" và có hai dạng: **Have và Has**

I/We/You/They/ Danh từ số nhiều + have

He/She/It/Danh từ số ít + has

Task 1 : Circle the correct word. There is one example.

1		Jade	have	<u>has</u>	an umbrella.
2		The gorilla	have	has	a book.
3		Sam	have	has	a kite.
4		The girls	have	has	long hair.
5		We	have	has	hats.

Task 2 : Look and write the correct word. There is one example.


I We She He It They = have has


1 
He has a flute.

2 
 _____ shoes.

3 
 _____ flowers.

4 
 _____ candles.

5 
 _____ a cat.

6 
 _____ cups.